TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2017/DS - ST
Ngày: 06-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thạch Khương

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Sơn Thị Chanh Thu – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long *tham gia phiên toà:* không tham gia.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2016/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 161/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2017/QĐST – DS ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đinh Văn T, sinh năm 1971 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: ấp PSA, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: ấp B, xã LP, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

2.2 Chị Trần Hồng N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Khóm A, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: Khóm B, thị trấn TB, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2016 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 04 tháng 5 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Đinh Văn T trình bày: Vào ngày 26/9/2013 anh T có cho bà Nguyễn Thị H và chị Trần Hồng N vay số tiền là 17.000.000đ *(Mười bảy triệu đồng)*, lãi suất 1,0%/tháng, khi vay hai bên không có làm hợp đồng nhưng có làm biên nhận nợ, ghi ngày 26/9/2013. Hai bên thỏa thuận khi anh T cần rút vốn thì báo cho bà H, chị N biết trước 30 ngày. Từ khi vay đến nay bà H, chị N không trả lãi và vốn. Anh T đã nhiều lần yêu cầu bà H, chị N trả tiền nhưng bà H và chị N vẫn không trả.

Nay anh T yêu cầu bà H và chị N cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn là 17.000.000đ *(Mười bảy triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi.

Bà Nguyễn Thị H và chị Trần Hồng N đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, bản sao biên nhận nợ ngày 26/9/2013 và được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham dự phiên họp giao nộp, kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H và chị N không đến tham dự và cũng không có bản khai ý kiến gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T yêu cầu bà H và chị N cùng có trách nhiệm trả số tiền vốn là 17.000.000đ *(Mười bảy triệu đồng)*, không yêu cầu tính lãi. Anh T không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng cũng như cung cấp chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị H và chị Trần Hồng N đã nhận được quyết định xét xử của Tòa án và được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà H, chị N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật: Do giao dịch dân sự được xác lập và thực hiện ngày 26 tháng 9 năm 2013 nên căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015, pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án này là Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về nội dung vụ án:

Theo các đơn khởi kiện và lời trình bày của anh T có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm thể hiện vào ngày 26 tháng 9 năm 2013 anh T có cho bà Nguyễn Thị H, chị Trần Hồng N vay số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*), lãi suất 1%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nhưng khi cần lấy lại vốn thì anh T báo trước cho bà H, chị N 30 ngày. Việc vay này giữa hai bên có làm biên nhận tay. Theo anh T trình bày, từ khi vay đến nay bà H, chị N không đóng lãi và cũng chưa trả vốn cho anh T, mặc dù anh T yêu cầu bà H, chị N trả lại vốn nhiều lần. Phía anh T cung cấp chứng cứ, chứng minh việc vay tiền của bà H,

chị N là biên nhận nhận tiền ngày 26/9/2013 thể hiện việc bà H, chị N có vay của anh T số tiền vốn là 17.000.000đ như lời trình bày của anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án ra thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ bổ sung và tống đạt hợp lệ cho bà H, chị N về việc yêu cầu cung cấp bản khai ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và chứng cứ của anh T cung cấp là biên nhận 26/9/2013 nhưng bà H, chị N không có yêu cầu phản tố hay phản bác đối với yêu cầu của anh T. Do đó, có cơ sở xác định việc xác lập hợp đồng vay giữa anh T với bà H, chị N là có thật được thể hiện qua giấy "Biên nhận" ngày 26 tháng 9 năm 2013 do bà H, chị N ký tên, phù hợp với chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là biên nhận gốc. Bà H, chị N đã biết được việc ông T khởi kiện yêu cầu trả lại số tiền vốn là 17.000.000đ nhưng vẫn cố tình không trả là trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh T. Như vậy, cần buộc bà H, chị N có trách nhiệm liên đới trả anh T số tiền vốn còn nợ là 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) là phù hợp theo quy định tại các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[4] Về lãi suất: Anh T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền bà H, chị N đã vay nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu của anh T được chấp nhận nên bà H, và chị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, được tính như sau: 17.000.000đ x 5% = 850.000đ. Buộc bà H, chị N phải nộp 850.000đ (*Tám trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 425.000đ *(Bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0007585, ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà H, chị N vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đinh Văn T;

Buộc bà Nguyễn Thị H và chị Trần Hồng N có trách nhiệm liên đới trả anh Đinh Văn T số tiền vốn là 17.000.000đ *(Mười bảy triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà H và chị N phải nộp 850.000đ *(Tám trăm năm mươi ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại anh T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 425.000đ *(Bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0007585, ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Quyền kháng cáo: Anh T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà H, chị N vắng mặt tại phiên tòa, hạn kháng cáo 15 (Mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKS.ND huyện TB;
- THADS huyện TB;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

(*Đã ký)*

Trần Thanh Thảo